

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /2017/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

STT	Loại khoáng sản	ĐVT	Mức thu (đồng)
I	QUẶNG KHOÁNG SẢN KIM LOẠI		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng mangan	Tấn	40.000
3	Quặng vàng		
-	Vàng gốc	Tấn	270.000
-	Vàng sa khoáng	Tấn	180.000
4	Quặng bạc, Quặng thiếc	Tấn	270.000
5	Quặng von-phơ-ram (wolfram), Quặng ăng-ti-moan (antimoan)	Tấn	40.000

STT	Loại khoáng sản	ĐVT	Mức thu (đồng)
6	Quặng chì, Quặng kẽm	Tấn	220.000
7	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	Tấn	50.000
8	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000
II	KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa, bazan)	m ³	60.000
2	Đá Block	m ³	70.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	5.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	3.000
5	Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, flourit, bentônít và các loại khoáng chất khác)	Tấn	2.000
6	Cát	m ³	4.000
7	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500
8	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.000
9	Các loại đất khác	m ³	1.500
10	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	25.000
11	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500
12	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000
III	Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại mục I, II		

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, TT. HĐND, UBND, UBMTTQ VN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HS

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

